

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/4/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 483/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2023 về việc “Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXX-ST ngày 20/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐHPT ngày 05/4/2024, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn Bà Lê Thị Cẩm T;** Sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, Đắk Lắk. (Có mặt)

+ **Bị đơn:** Ông Trần Văn T1; Sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày như sau:

Tôi và ông Trần Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2009 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 148 ngày 08 tháng 9 năm 2009.

Từ sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong quá trình chung sống thì vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, do tính cách vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

việc này kéo dài ảnh hưởng đến tâm lý của cả hai, tình cảm vợ chồng cũng theo đó mà mờ nhạt, xa cách dần. Để giải quyết việc mâu thuẫn này, vợ chồng tôi đã cố gắng hàn gắn, cũng đã cho nhau nhiều cơ hội nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Tuy vậy, trước đây vì con còn nhỏ và hai bên gia đình khuyên ngăn nên chúng tôi mới cố gắng kéo dài mối quan hệ hôn nhân này, nhưng đến nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ không thể kéo dài, nên tôi nộp đơn đến Tòa án để xin được ly hôn với ông Trần Văn T1.

* **Về con chung:** Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010; cháu Trần Văn Đình Ng, sinh ngày 7 tháng 02 năm 2016. Nguyên vọng của tôi chung khi ly hôn là tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng D và cháu Nguyễn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi tròn.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện tại tôi buôn bán hàng ăn tại chợ Ph, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10 triệu đến 12 triệu đồng. Tôi đủ khả năng nuôi dưỡng cả hai con chung nên tôi không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn T1, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 không đến Tòa án để lập bản tự khai, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, nên không có lời khai của ông Trần Văn T1.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2023 cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13/11/2010 và tại bản tự khai ngày 19/3/2024 cháu Trần Văn Đình Nguyễn, sinh ngày 7 tháng 02 năm 2016 đều có nguyện vọng xin sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

+ Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc thể hiện: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Trần Văn T1 đăng ký kết hôn và chung sống tại địa phương với nhau từ năm 2009 đến nay. Quá trình sinh sống tại địa phương thì địa phương được biết ông T1 có rượu chè về nhà thì vợ chồng hay xích mích với nhau. Năm 2020 bà T đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn ông T1. Tuy nhiên sau đó bà T đã rút đơn về đoàn tụ, song từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay bà T xin ly hôn thì đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết cho bà T ly hôn ông T1.

Về điều kiện thu nhập: Hiện nay bà Lê Thị Cẩm T bán hàng ăn tại chợ thị trấn Phước An, còn ông Trần Văn T1 làm nghề xây dựng. Tuy nhiên, thu nhập cụ thể của bà T và ông T1 hàng tháng bao nhiêu thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông T1, xin nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn ông Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; Thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn T1 đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp, phiên hòa giải là không thực hiện đầy đủ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 xét xử vắng mặt ông T1.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình;

Đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Cẩm T ly hôn ông Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Trần Văn Đình Ng, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2016 cho cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Lê Thị Cẩm T khởi kiện bị đơn ông Trần Văn T1 cư trú tại thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên Tòa lần thứ nhất ông Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T1. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn T1 vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Trần Văn T1 chung sống với nhau từ năm từ năm 2009 trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/9/2009. Như vậy, hôn nhân của bà T, ông T1 là hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, sau khi kết hôn bà T, ông T1 sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Từ mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng ông bà không tự dàn xếp được dẫn đến mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn. Năm 2020 bà T đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn ông T1. Tuy nhiên, sau đó bà T đã rút đơn xin về đoàn tụ gia đình. Song sau khi quay về tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông T1 dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên hòa giải không thành, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T1. Mặt khác, kết quả xác minh tại địa phương thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc thể hiện: Quá trình sinh sống tại địa phương ông T1 hay rượu chè về nhà thì vợ chồng hay xích mích mâu thuẫn với nhau. Năm 2020 bà T đã nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn ông T1. Tuy nhiên sau đó bà T đã rút đơn về đoàn tụ, song từ đó đến nay mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Như vậy căn cứ vào lời khai của bà T cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương. Tòa án có căn cứ để khẳng định hôn nhân giữa bà T và ông T1 không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cho bà Lê Thị Cẩm T ly hôn ông Trần Văn T1 là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống T, ông T1 có 02 con chung là cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Trần Văn Đình Ng, sinh ngày 7 tháng 02 năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án bà T có nguyện vọng xin nuôi dưỡng cháu D và cháu Ng. Bản thân cháu D và cháu Nguyễn cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ là bà Lê Thị Cẩm T. HĐXX xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần xem xét quyền lợi mọi mặt của các cháu. Hiện tại cả cháu D và cháu Ng đều có nguyện vọng sống với mẹ. Bản thân bà T cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Mặt khác hiện tại bà T buôn bán hàng ăn thu nhập ổn định. Để tránh thay đổi môi trường sống, tránh làm xáo trộn đến cuộc sống của các cháu khi bố mẹ ly hôn nên HĐXX áp dụng các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, giao cháu cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Trần Văn Đình Ng, sinh ngày 07 tháng 02 năm 2016 cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

“Ông Trần Văn T1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản ông T1 thực hiện quyền này”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa tương đối phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Cẩm T ly hôn với ông Trần Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quỳnh D, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2010 và cháu Trần Văn Đình Ng, sinh ngày 7 tháng 02 năm 2016 cho bà Lê Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu D và cháu Nguyên đủ tuổi thành niên.

“Ông Trần Văn T1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên, ông T1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung”.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003528 ngày 13/11/2023.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- CCTHADS huyện K;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền